



CHỦ TỊCH NƯỚC

Số: 712 /QĐ-CTN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 11 tháng 4 năm 2013



QUYẾT ĐỊNH
Về việc truy tặng Huân chương Kháng chiến

CHỦ TỊCH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Căn cứ Điều 103 của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992;

Căn cứ Luật Thi đua, Khen thưởng;

Xét đề nghị của Thủ tướng Chính phủ tại Tờ trình số: 364/TTr-TTg ngày 12 tháng 3 năm 2013,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Truy tặng **Huân chương Kháng chiến hạng ba** cho 56 cá nhân thuộc tỉnh Quảng Ninh (có danh sách kèm theo),

Đã có thành tích trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

Thủ tướng Chính phủ, Chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /s/

KT. CHỦ TỊCH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Thị Doan
Nguyễn Thị Doan

Nơi nhận:

- Chính phủ;
- Chủ nhiệm VPCTN;
- Ban Thi đua-Khen thưởng TW;
- Lưu: VT, Vụ ĐĐKT (2).

DANH SÁCH CÁC CÁ NHÂN ĐƯỢC CHỦ TỊCH NƯỚC TRUY TẶNG HUÂN CHƯƠNG KHÁNG CHIẾN

(Kèm theo Quyết định số 712 /QĐ-CTN ngày 11 tháng 4 năm 2013)



STT	Số đề nghị được duyệt	Họ và tên	Năm sinh	Chính quán	Chức danh được xét khen	Thời gian tham gia công tác		Thời gian được tính thưởng		Ghi chú
						Từ tháng, năm	Đến tháng, năm	Năm	Tháng	

I. Thành phố Móng Cái

7.	1	Ông: Chu Văn Kế	1952	Xã Hải Xuân, Thị xã Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh	Bộ đội	12/1970	8/1972	1	8	Liệt sỹ
8.	2	Ông: Vi Văn Phúc	1953	Xã Hải Xuân, Thị xã Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh	Bộ đội	12/1970	11/1973	2	11	Liệt sỹ
9.	3	Ông: Hoàng Văn Đăng	1950	Xã Hải Xuân, Thị xã Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh	Bộ đội	2/1968	10/1969	1	9	Liệt sỹ
10.	4	Ông: Đào Viết Miên	1949	Xã Hải Xuân, Thị xã Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh	Bộ đội	5/1971	01/1973	2	8	Liệt sỹ
11.	5	Ông: Vi Văn Thòa	1951	Xã Hải Xuân, Thị xã Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh	Bộ đội	8/1968	12/1970	2	4	Liệt sỹ
12.	6	Ông: Trần Văn Cung	1956	Xã Hải Xuân, Thị xã Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh	Bộ đội	2/1975	9/1976	1	7	Liệt sỹ
13.	7	Ông: Trần Minh Phương	1951	Xã Hải Xuân, Thị xã Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh	Bộ đội	2/1968	4/1970	2	2	Liệt sỹ
14.	8	Ông: Trần Duy Chúc	1951	Xã Hải Xuân, Thị xã Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh	Bộ đội	8/1971	6/1974	2	10	Liệt sỹ
15.	9	Ông: Trần Trung Tiếp	1952	Xã Hải Xuân, Thị xã Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh	Bộ đội	8/1971	4/1975	3	8	Liệt sỹ
16.	10	Ông: Trần Văn Thuận	1950	Xã Hải Xuân, Thị xã Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh	Bộ đội	2/1968	12/1971	3	10	Liệt sỹ
17.	11	Ông: Nguyễn Cương Vinh	1945	Xã Hải Xuân, Thị xã Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh	Bộ đội	7/1967	5/1969	1	11	Liệt sỹ
18.	12	Ông: Lương Văn Bạch	1955	Xã Hải Xuân, Thị xã Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh	Bộ đội	10/1974	12/1977	3	3	Liệt sỹ
19.	13	Ông: Lương Xuân Thái	1949	Xã Hải Xuân, Thị xã Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh	Bộ đội	7/1968	5/1972	3	11	Liệt sỹ

W



20.	14	Ông: Trần Vĩnh Thành	1949	Xã Hải Xuân, Thị xã Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh	Bộ đội	9/1966	3/1971	4	7	Liệt sỹ
21.	15	Ông: Nguyễn Văn Ly	1945	Xã Hải Xuân, Thị xã Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh	Bộ đội	7/1967	10/1969	2	4	Liệt sỹ
22.	16	Ông: Hoàng Thủy Nhiên	1952	Xã Hải Xuân, Thị xã Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh	Bộ đội	12/1970	8/1972	1	7	Liệt sỹ
23.	17	Ông: Trần Quốc Diệt	1950	Xã Hải Xuân, Thị xã Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh	Bộ đội	2/1968	4/1969	1	3	Liệt sỹ
24.	18	Ông: Hoàng Văn Khiêm	1950	Xã Hải Xuân, Thị xã Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh	Bộ đội	7/1967	10/1971	4	4	Liệt sỹ
25.	19	Ông: Ngô Đình Dậu	1943	Xã Hải Xuân, Thị xã Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh	Bộ đội	2/1964	8/1967	3	10	Liệt sỹ
26.	20	Ông: Trần Tiến Lực	1947	Xã Hải Xuân, Thị xã Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh	Bộ đội	9/1966	6/1968	1	10	Liệt sỹ
27.	21	Ông: Hoàng Văn Pháp	1943	Xã Hải Xuân, Thị xã Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh	Tự vệ	1/1964	8/1966	2	7	Liệt sỹ
28.	22	Ông: Vương Xuân Quyền	1954	Xã Hải Xuân, Thị xã Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh	Bộ đội	5/1974	4/1975	1		Liệt sỹ
29.	23	Ông: Vi Văn Hộ	1952	Xã Hải Xuân, Thị xã Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh	Bộ đội	12/1970	12/1972	2	1	Liệt sỹ
30.	24	Ông: Nguyễn Phở Sáng	1949	Xã Hải Xuân, Thị xã Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh	Bộ đội	6/1968	4/1975	6	10	Liệt sỹ
31.	25	Ông: Nguyễn Văn Phú	1948	Xã Hải Xuân, Thị xã Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh	Bộ đội	4/1968	5/1972	4	1	Liệt sỹ
32.	26	Ông: Phạm Lý Hoa	1947	Xã Hải Xuân, Thị xã Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh	Bộ đội	9/1966	3/1971	4	7	Liệt sỹ
33.	27	Ông: Phạm Văn Đông	1949	Xã Hải Xuân, Thị xã Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh	Bộ đội	2/1968	7/1968		6	Liệt sỹ
34.	28	Ông: Lưu Văn Nhật	1956	Xã Hải Xuân, Thị xã Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh	Bộ đội	10/1974	4/1975		8	Liệt sỹ
35.	29	Ông: Nguyễn Văn Lạn	1946	Xã Hải Xuân, Thị xã Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh	Bộ đội	9/1966	6/1968	2	10	Liệt sỹ
36.	30	Ông: Trần Minh Thông	1947	Xã Hải Xuân, Thị xã Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh	Bộ đội	9/1966	6/1968	1	10	Liệt sỹ
37.	31	Ông: Nguyễn Văn Giăng	1952	Xã Hải Xuân, Thị xã Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh	Bộ đội	12/1970	4/1973	2	5	Liệt sỹ



38.	32	Ông: Chu Văn Sửu	1950	Xã Hải Xuân, Thị xã Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh	Bộ đội	12/1970	9/1972	1	9	Liệt sỹ
39.	33	Ông: Đỗ Văn Giêng	1944	Xã Hải Xuân, Thị xã MóngCái, tỉnh Quảng Ninh	Bộ đội	9/1966	6/1968	1	10	Liệt sỹ
40.	34	Ông: Nguyễn Văn Đạo	1954	Xã Hải Xuân, Thị xã Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh	Bộ đội	12/1972	12/1974	2	1	Liệt sỹ
41.	35	Ông: Phạm Văn Dương	1949	Xã Hải Xuân, Thị xã Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh	Bộ đội	9/1972	4/1974	1	7	Liệt sỹ
42.	36	Ông: Nguyễn Văn Sáng	1948	Xã Hải Xuân, Thị xã Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh	Bộ đội	9/1966	6/1968	1	10	Liệt sỹ
43.	37	Ông: Phạm Mai Tuấn	1949	Xã Hải Xuân, Thị xã Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh	Bộ đội	4/1968	7/1970	2	4	Liệt sỹ
44.	38	Ông: Nguyễn Văn Đăng	1938	Xã Hải Xuân, Thị xã Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh	Bộ đội	4/1963	7/1967	4	4	Liệt sỹ
45.	39	Ông: Nguyễn Quế Phương	1945	Xã Hải Xuân, Thị xã Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh	Bộ đội	2/1968	2/1970	1	1	Liệt sỹ
46.	40	Ông: Hoàng Hữu Thìn	1943	Xã Hải Xuân, Thị xã Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh	Bộ đội	7/1967	4/1969	1	10	Liệt sỹ
47.	41	Ông: Nguyễn Ngọc Dân	1950	Xã Hải Xuân, Thị xã Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh	Bộ đội	4/1970	8/1972	2	5	Liệt sỹ
48.	42	Ông: Hoàng Thế Dân	1951	Xã Hải Xuân, Thị xã Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh	Bộ đội	9/1972	7/1974	1	11	Liệt sỹ
49.	43	Ông: Phùng Văn Mậu	1953	Xã Hải Xuân, Thị xã Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh	Bộ đội	1/1972	4/1975	3	4	Liệt sỹ
50.	44	Ông: Nguyễn Văn Vi	1945	Xã Hải Xuân, Thị xã Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh	Bộ đội	9/1966	6/1968	1	10	Liệt sỹ
51.	45	Ông: Nguyễn Văn Tắc	1944	Xã Hải Xuân, Thị xã Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh	Bộ đội	2/1968	10/1969	1	8	Liệt sỹ
52.	46	Ông: Vi Quang Hải	1951	Xã Hải Xuân, Thị xã Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh	Bộ đội	1/1971	4/1974	3	4	Liệt sỹ
53.	47	Ông: Trần Văn Mót	1949	Xã Hải Xuân, Thị xã Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh	Bộ đội	9/1966	6/1968	1	10	Liệt sỹ
54.	48	Ông: Hoàng Thế Khi	1944	Xã Hải Xuân, Thị xã Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh	Bộ đội	7/1967	12/1972	5	5	Liệt sỹ
55.	49	Ông: Nguyễn Nhật Thăm	1954	Xã Hải Xuân, Thị xã Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh	Bộ đội	9/1972	10/1974	2	2	Liệt sỹ

W



56.	Ông: Hoàng Minh Bạch	1953	Xã Hải Xuân, Thị xã Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh	Bộ đội	2/1971	7/1972	1	6	Liệt sỹ
57.	Ông: Hoàng Văn Bảo	1947	Xã Hải Xuân, Thị xã Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh	Bộ đội	9/1966	6/1968	1	10	Liệt sỹ
58.	Ông: Trần Tuấn Chuyên	1954	Xã Hải Xuân, Thị xã Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh	Bộ đội	8/1971	4/1975	3	8	Liệt sỹ
59.	Ông: Trần Thanh Xuân	1949	Xã Hải Xuân, Thị xã Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh	Bộ đội	4/1968	3/1975	6	11	Liệt sỹ
60.	Ông: Đinh Công Dư	1943	Xã Hải Xuân, Thị xã Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh	Bộ đội	4/1962	5/1966	4	2	Liệt sỹ
II. Thành phố Cẩm Phả (thị xã Cẩm Phả cũ)									
61.	Ông: Phạm Mai Hùng	1929	Xã Quỳnh Bảo, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình	Bộ đội	7/1954	12/1974	14	8	Gián đoạn công tác
III. Thành phố Hà Long									
62.	Ông: Bùi Huy Hùng	1947	Thị xã Hồng Gai, tỉnh Quảng Ninh	Hạ sỹ	4/1970	6/1972	2	2	Liệt sỹ

W